

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN**

---

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh**  
**Tên Tiếng Anh: English**  
**Tên chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh**  
**Mã ngành: 7220201**  
**Trình độ đào tạo: Đại học**  
**Hình thức đào tạo: Chính quy**

**Đắk Lắk, 2018**

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2018**

*(Ban hành tại Quyết định số ...../QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày ... tháng ... năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)*

Tên chương trình: **Ngôn ngữ Anh**

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: **Ngôn ngữ Anh**

Mã số: 7220201

Hệ đào tạo: Đại học

Hình thức đào tạo: Giáo dục chính quy

### **1. Mục tiêu đào tạo:**

#### **1.1. Mục tiêu chung:**

Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo ra những cử nhân có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và có sức khỏe tốt; Có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế của đất nước và đòi hỏi của thị trường lao động; Có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ văn hóa các nước nói tiếng Anh, có kiến thức và các kỹ năng cần thiết để công tác trong các lĩnh vực như biên phiên dịch, giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ. Người học cũng có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể:**

Chương trình đào tạo giúp người học:

- Nắm vững các kiến thức, kỹ năng tiếng Anh trong giao tiếp và trong học thuật (Nghe, Nói, Đọc, Viết); Đạt được năng lực sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh tương đương bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam;

- Biết, hiểu những khái niệm, bản chất của ngôn ngữ và một số vấn đề liên quan đến ngôn ngữ. Từ đó có thể phân tích, nhận diện các đơn vị, các bộ phận của ngôn ngữ Anh;

- Hiểu biết sơ lược về văn học, văn hóa các nước Anh, Mỹ; Có thể so sánh đối chiếu những hành vi, giá trị, tín ngưỡng, quan niệm sống giữa nhiều nền văn hóa khác nhau;

- Có trình độ nghiệp vụ cơ bản để hoạt động và công tác trong các lĩnh vực biên – phiên dịch;
- Hiểu biết về hệ thống thuật ngữ tiếng Anh dùng trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh, tiếp thị quảng cáo, ngân hàng, du lịch lữ hành và công nghệ thông tin;
- Biết cách làm khoa học và vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học bước đầu hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ Anh;
- Có các kỹ năng mềm cá nhân để có thể trau dồi kỹ năng sống, sự nhạy bén trong xử lý công việc và nghệ thuật giao tiếp; Có kiến thức về khởi nghiệp để phát huy tiềm lực bản thân;
- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đủ trình độ học tiếp sau đại học chuyên ngành Ngôn ngữ Anh và một số chuyên ngành có liên quan khác;
- Có khả năng giao tiếp bằng tiếng Pháp đương đương bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam.

### **1.2.1. Về kiến thức**

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh:

- Trang bị cho sinh viên có hiểu biết chung về lịch sử, văn hóa xã hội trên cơ sở đó hình thành và phát triển kỹ năng ứng xử, giao tiếp phù hợp với những nguyên tắc, quy định trên cơ sở văn hóa Việt Nam;
- Cung cấp cho sinh viên kiến thức tương đối rộng về ngôn ngữ Anh từ kiến thức cơ sở ngành với đủ 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đến kiến thức ngành với ngữ âm âm vị, ngữ nghĩa học, cú pháp học, đất nước học Anh - Mỹ, văn học Anh - Mỹ, ngôn ngữ học so sánh đối chiếu, ngữ pháp ứng dụng và hình thái học.... Bên cạnh đó sinh viên còn được trang bị kiến thức nghiệp vụ với các môn biên phiên dịch, tiếng Anh các chuyên ngành du lịch, kinh tế, thương mại, giao dịch ngân hàng, tiếp thị và quảng cáo, quản trị kinh doanh, quản trị nhân sự; Rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh ở mức độ thành thạo; Bảo đảm cho sinh viên đạt được trình độ nghiệp vụ đủ để hoạt động và công tác trong các lĩnh vực chuyên môn như dịch thuật, nghiên cứu, các lĩnh vực kinh tế có sử dụng tiếng Anh.
- Bảo đảm cho sinh ra trường đạt trình độ năng lực tiếng Anh tương đương bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam và có trình độ nghiệp vụ để hoạt động và công tác trong các lĩnh vực như biên – phiên dịch tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh trong các lĩnh vực ngôn ngữ, văn học, xã hội, kinh tế, kinh doanh.

### **1.2.2. Về kỹ năng, thái độ:**

#### **Yêu cầu về kỹ năng:**

- Sử dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ ở mức có thể hiểu và nhận biết được hàm ý của các văn bản dài với phạm vi rộng;
- Có thể diễn đạt trôi chảy, tức thì, không gặp khó khăn trong việc tìm từ ngữ diễn đạt;
- Có thể sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn, có thể viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện được khả năng tổ chức văn bản, sử dụng tốt từ ngữ nói câu và các công cụ liên kết;
- Thực hiện được các hoạt động dịch thuật; biết cách xử lý các tình huống công việc một cách linh hoạt;
- Làm việc theo nhóm, có khả năng độc lập, sáng tạo, hòa nhập và giao tiếp tốt;
- Có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học.

#### **Yêu cầu về thái độ:**

- Có ý thức chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ và trách nhiệm công dân;
- Có ý thức cộng đồng, ý thức phục vụ nghề nghiệp và phục vụ nhân dân;
- Có phẩm chất đạo đức mẫu mực của người cán bộ nhà nước; Có ý thức tổ chức kỷ luật và tuân thủ nội quy của cơ quan;
- Có tinh thần cầu tiến, học hỏi, không ngừng cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; hợp tác và tương thân tương trợ với đồng nghiệp.

### **1.2.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp**

Tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh, sinh viên có khả năng đảm nhận tốt các vị trí công việc trong các lĩnh vực có liên quan đến ngành học. Cụ thể là:

- Trợ lý các dự án, trợ lý các cấp quản lý hành chính có sử dụng tiếng Anh;
- Điều phối viên các chương trình, dự án có sử dụng tiếng Anh;
- Nhân viên văn phòng các cơ quan, công ty, xí nghiệp trong và ngoài nước có sử dụng tiếng Anh;
- Phiên dịch viên, biên dịch viên, cộng tác viên các trung tâm dịch thuật, văn phòng công chứng;
- Hướng dẫn viên du lịch, nhân viên điều hành du lịch và công tác ở các trung tâm ngoại ngữ.

#### **1.2.4. Trình độ Ngoại ngữ, Tin học:**

Người học có trình độ ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) tương đương bậc 5 và ngoại ngữ 2 (tiếng Pháp) tương đương bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (do trường Đại học Tây Nguyên cấp).

### **2. Chuẩn đầu ra**

#### **2.1. Kiến thức:**

##### **+ Kiến thức chung:**

- Có hiểu biết và vận dụng các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cuộc sống;
- Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực lịch sử, khoa học xã hội – nhân văn, tin học để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp;
- Có hiểu biết về công tác quốc phòng an ninh, rèn luyện thể chất, đảm bảo sức khỏe để phục vụ tốt;
- Nắm vững hiểu biết các kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học áp dụng phân lý thuyết vào thực hiện được một bài nghiên cứu khoa học, tạo cơ sở cho sinh viên làm chuyên đề khóa luận;  
Có các kỹ năng mềm cá nhân, có thể làm việc nhóm, quản lý, trau dồi kỹ năng sống, sự nhạy bén trong xử lý công việc và nghệ thuật giao tiếp; Có kiến thức về khởi nghiệp để phát huy tiềm lực bản thân.

##### **+ Kiến thức chuyên ngành:**

- Hiểu biết và thông thạo kiến thức cơ sở ngành - Nắm vững các kiến thức, kỹ năng tiếng Anh Nghe, Nói, Đọc và Viết trong giao tiếp và trong học thuật;
- Có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kiến thức ngành trên bình diện ngôn ngữ Anh như:
  - \* Hiểu biết hệ thống ngữ âm, âm vị của tiếng Anh, là nền tảng để sinh viên phát triển năng lực ngôn ngữ;
  - \* Nắm các khái niệm về nghĩa và phân tích nghĩa của từ, cũng như nguồn gốc, cách thức hình thành nên đa số từ vựng, thành ngữ trong tiếng Anh, những biến đổi ngữ nghĩa của các từ vựng đó;
  - \* Phân tích, giải thích các hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung cú pháp;

\* Hiểu biết cơ bản hình vị của từ, các loại từ và các phương thức cấu tạo từ ở tiếng Anh;

\* Có kiến thức về các khái niệm về diễn ngôn, và kỹ thuật phân tích diễn ngôn.

- Hiểu biết văn hóa, văn học và văn minh của các nước thuộc cộng đồng Anh ngữ gồm kiến thức về quy tắc giao tiếp - văn hóa cũng như khả năng đối chiếu được kiến thức cơ bản về các vấn đề văn hóa, xã hội của các nước Anh, Mỹ với Việt Nam;

- Nắm vững các khái niệm cơ bản, các kỹ thuật dịch cơ bản như phân tích ngữ cảnh, xác định nghĩa của từ, phân tích câu, xác định các thành phần chính của câu, kỹ năng dịch các mẫu câu cơ bản trong tiếng Việt và tiếng Anh cũng như nắm được các kỹ thuật, chiến thuật cơ bản và nâng cao trong biên dịch. Từ đó, áp dụng các kỹ thuật, chiến thuật biên dịch cơ bản và nâng cao để dịch được các bài viết với nhiều văn phong khác nhau và biên tập được bản dịch để tránh được các lỗi cơ bản trong dịch thuật;

- Nắm vững từ vựng và các kiến thức cơ bản về các lĩnh vực kinh tế, quảng cáo, thương mại, lữ hành du lịch, công nghệ thông tin và ngân hàng.

## **2.2. Kỹ năng:**

- Sử dụng thành thạo các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc và Viết) trong các tình huống giao tiếp xã hội với mức độ tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Nắm vững kiến thức cơ bản về kỹ thuật biên, phiên dịch phục vụ cho công tác chuyên môn. Cụ thể là sử dụng được các kỹ năng biên phiên dịch Việt – Anh, Anh – Việt để dịch các thể loại văn bản khác nhau; Có năng lực biên dịch xuôi, dịch hội nghị Việt – Anh, Anh – Việt ở mức cơ bản. Biết cách ghi nhớ, diễn đạt song song Việt - Anh, Anh - Việt các bài nói có độ dài khoảng 2-4 phút về những chủ đề thông dụng như giáo dục, văn hóa xã hội, và kỹ năng sống. Truyền tải được nội dung của thông điệp với mức độ chính xác có thể chấp nhận được và có thể hiểu được đối với người nghe ở ngôn ngữ đích.

- Giao tiếp tiếng Anh bằng văn bản nói và viết về các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực kinh tế, quảng cáo, nhà hàng khách sạn, thương mại, du lịch, công nghệ thông tin và ngân hàng cũng như đọc hiểu và nghe hiểu các diễn ngôn bằng tiếng Anh có liên quan đến các chủ đề trên;

- Có các kỹ năng mềm, làm việc theo nhóm, có khả năng độc lập, sáng tạo, hòa nhập và thích nghi tốt;

- Có khả năng tự học và nghiên cứu khoa học;

- Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Pháp tương đương bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Các kỹ năng này chưa cho thấy tương đương với 7 IELTS.

### **2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Có năng lực phát hiện, đề xuất, giải quyết vấn đề các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp, hợp tác làm việc theo nhóm, khả năng thuyết trình và năng lực quản lý đề sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc độc lập;

- Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

## **3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 128 tín chỉ (4 năm)**

### **3.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 35 TC**

*(Không tính Giáo dục thể chất (3TC) và Giáo dục Quốc phòng (8 TC))*

- Lý luận chính trị (10 TC)
- Khoa học xã hội, nhân văn và nghệ thuật (8 TC)
- Ngoại ngữ (13 TC)
- Toán - Tin học- Khoa học tự nhiên – Công nghệ (4 TC)

### **3.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 92 TC**

- Kiến thức cơ sở của ngành (38 TC)
- Kiến thức ngành (22 TC)
- Kiến thức nghiệp vụ (22 TC)
- Khóa luận tốt nghiệp *(hoặc học phần chuyên môn thay thế)* (10 TC)

**4. Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

### **5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:**

Áp dụng “Quy chế học vụ Đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số: 555/QĐ-ĐHTN-ĐTĐH ngày 11/4/2013 của Hiệu trưởng Trường ĐH Tây Nguyên thực hiện Quy chế 43 và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 6. Cách thức đánh giá:

Thực hiện theo Quy chế học vụ đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 555/QĐ- ĐHTN ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên, Quy chế 43 và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT về đào tạo hệ thống tín chỉ của Bộ giáo dục và Đào tạo.

## 7. Nội dung chương trình:

### 7. 1. Kiến thức giáo dục đại cương: 35 TC (33 TC bắt buộc và 02 TC tự chọn)

#### 7.1.1. Lý luận chính trị: (10 TC)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số tiết LT	Số tiết TH	BB	TC	Mã HP học trước
1	ML211020	Nguyên lý cơ bản 1	2	22.5	15	2		
2	ML211021	Nguyên lý cơ bản 2	3	30	30	3		ML211020
3	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22.5	15	2		ML211021
4	ML211003	Đường lối CM của Đảng Cộng sản VN	3	30	30	3		ML211002
<b>Tổng:</b>			<b>10</b>	<b>105</b>	<b>90</b>	<b>10</b>		

#### 7.1.2. Khoa học xã hội: (8 TC gồm: 6 TC bắt buộc và 2 TC tự chọn)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số tiết LT	Số tiết TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
5	SP211002	Dẫn luận ngôn ngữ	2	30	0	2		
6	KT212202	Kỹ năng mềm	2	15	30	2		
7	KT213007	Khởi nghiệp	2	15	30	2		
8	SP211001	Tiếng Việt thực hành	2	30	0			
9	SP211006	Xã hội học đại cương	2	30	0		2	
10	SP211007	Lịch sử Việt Nam đại cương	2	30	0			
11	SP211008	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	0			
12	SP211003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0			
<b>Tổng:</b>			<b>16</b>	<b>240</b>	<b>60</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	

#### 7.1.3. Ngoại ngữ: (13 TC)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số tiết LT	Số tiết TH	BB	TC	Mã HP học trước
13	FL211001	Tiếng Pháp 1	4	60	0	4		
14	FL211002	Tiếng Pháp 2	3	45	0	3		FL211001
15	FL211003	Tiếng Pháp 3	3	45	0	3		FL211002
16	FL211004	Tiếng Pháp 4	3	45	0	3		FL211003
<b>Tổng:</b>			<b>13</b>	<b>195</b>	<b>0</b>	<b>13</b>		



**7.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường: 4 TC**

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số tiết LT	Số tiết TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
17	KC211027	Tin học đại cương	2	15	30	2		
18	NL213706	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	22.5	15	2		
<b>Tổng:</b>			<b>2</b>	<b>37.5</b>	<b>45</b>	<b>4</b>		

**7.1.5. Giáo dục thể chất: (03 TC)**

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số tiết LT	Số tiết TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
19	SP211011	Giáo dục thể chất 1	1	0	30	1		
20	SP211012	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	1		
21	SP211013	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	1		
<b>Tổng:</b>			<b>3</b>	<b>0</b>	<b>90</b>	<b>3</b>		

**7.1.6. Giáo dục quốc phòng – An ninh: (8 TC)**

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số tiết LT	Số tiết TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
22	QP211008	Đường lối quốc phòng- an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0	2	0	
23	QP211006	Công tác quốc phòng - an ninh	2	30	0	2	0	
24	QP211007	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3	20	65	3	0	
25	QP211009	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	1	10	10	1	0	
<b>Tổng:</b>			<b>8</b>	<b>90</b>	<b>75</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	

**7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 88 TC (64 TC bắt buộc và 24 TC tự chọn)**

**7.2.1. Kiến thức cơ sở của ngành: (38 TC gồm 32 TC bắt buộc và 6 TC tự chọn)**

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số tiết LT	Số tiết TH	BB	TC	Mã HP học trước
26	FL212101	Nghe 1	2	30	0	2		
27	FL212201	Nói 1	2	30	0	2		
28	FL212301	Đọc 1	2	30	0	2		
29	FL212401	Viết 1	2	30	0	2		
30	FL212102	Nghe 2	2	30	0	2		FL212101
31	FL212202	Nói 2	2	30	0	2		FL212201
32	FL212302	Đọc 2	2	30	0	2		FL212301
33	FL212402	Viết 2	2	30	0	2		FL212401
34	FL212103	Nghe 3	2	30	0	2		FL212102
35	FL212203	Nói 3	2	30	0	2		FL212202
36	FL212303	Đọc 3	2	30	0	2		FL212302
37	FL212403	Viết 3	2	30	0	2		FL212402
38	FL212104	Nghe 4	2	30	0	2		FL212103

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số tiết LT	Số tiết TH	BB	TC	Mã HP học trước
39	FL212204	Nói 4	2	30	0	2		FL212203
40	FL212304	Đọc 4	2	30	0	2		FL212303
41	FL212404	Viết 4	2	30	0	2		FL212403
42	FL213519	Nghe tiếng Anh tăng cường	2	30	0		6	
43	FL213523	Nói tiếng Anh tăng cường	2	30	0			
44	FL213524	Đọc tiếng Anh tăng cường	2	30	0			
45	FL213525	Viết tiếng Anh tăng cường	2	30	0			
46	FL213520	Luyện âm	2	30	0			
<b>Tổng:</b>			<b>42</b>	<b>620</b>	<b>0</b>	<b>32</b>	<b>6</b>	

**7.2.2. Kiến thức ngành: (22 TC gồm 16 TC bắt buộc và 6 TC tự chọn):**

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số tiết LT	Số tiết TH	BB	TC	Mã HP học trước
47	FL213501	Ngữ âm – Âm vị học	2	30	0	2		FL212304
48	FL213502	Ngữ nghĩa học	2	30	0	2		FL212304
49	FL213101	Cú pháp học	2	30	0	2		
50	FL213506	Văn học Anh- Mỹ	4	60	0	4		
51	FL215995	Ngữ dụng học	2	30	0	2		
52	FL213103	Đất nước học Anh – Mỹ	2	30	0	2		
53	FL215994	Phân tích diễn ngôn	2	30	0	2		
54	FL213503	Ngữ pháp ứng dụng	2	30	0		6	
55	FL213505	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	30	0			
56	FL213509	Giao văn hóa	2	30	0			
57	FL213510	Hình thái học	2	30	0			
58	FL215981	Ngôn ngữ xã hội	2	30	0			
<b>Tổng:</b>			<b>22</b>	<b>330</b>	<b>0</b>	<b>16</b>	<b>6</b>	

**7.2.3. Kiến thức chuyên ngành: (22 TC gồm 12 TC bắt buộc và 10 TC tự chọn)**

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số tiết LT	Số tiết TH	BB	TC	Mã HP học trước	
59	FL216701	Phiên dịch 1	2	30	0	2		FL212204	
60	FL216801	Biên dịch 1	2	30	0	2		FL212404	
61	FL216702	Phiên dịch 2	2	30	0	2		FL216701	
62	FL216802	Biên dịch 2	2	30	0	2		FL216801	
63	FL216602	Tiếng Anh chuyên ngành	2	30	0		10	FL212304	
64	FL216601	Lý thuyết dịch	1	15	0			FL212304	
65	FL216603	Tiếng Anh Du lịch	2	30	0			FL212304	
66	FL216605	Tiếng Anh Quản trị kinh doanh	2	30	0			FL212304	
67	FL216606	Tiếng Anh Tiếp thị và quảng cáo	2	30	0			FL212304	
68	FL216607	Tiếng Anh Giao dịch ngân hàng	2	30	0			FL212304	
69	FL216609	Tiếng Anh ngành Công nghệ thông tin	2	30	0			FL212304	
70	FL216811	Thực tế	1	0	30	1			

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số tiết LT	Số tiết TH	BB	TC	Mã HP học trước
71	FL216812	Thực tập	3	0	90	3		FL216811
<b>Tổng:</b>			<b>25</b>	<b>315</b>	<b>120</b>	<b>12</b>	<b>10</b>	

**7.2.4. Khóa luận tốt nghiệp hoặc Chuyên đề tốt nghiệp và các học phần chuyên môn thay thế: 10 TC**

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	Số tiết LT	Số tiết TH	BB	TC	Mã HP tiên quyết
72	FL215999	Khóa luận tốt nghiệp	10	150	0		10	
73	FL215998	Chuyên đề tốt nghiệp	4	60	0		4	
74	FL215983	Biên dịch nâng cao	2	30	0		6	
75	FL215984	Phiên dịch nâng cao	2	30	0			
76	FL215980	Tâm lý dịch thuật	2	30	0			
77	FL215982	Từ nguyên học	2	30	0			
<b>Tổng:</b>			<b>22</b>	<b>330</b>	<b>0</b>		<b>10</b>	

### 8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC	Khoa/BM giảng dạy
1	SP211002	Dẫn luận ngôn ngữ	2	2		K.Sư phạm
2	SP211011	Giáo dục thể chất 1	1	1		K.Sư phạm
3	ML211020	Nguyên lý cơ bản 1	2	2		K.Lý luận CT
4	KC211027	Tin học đại cương	2	2		K.KHTN&CN
5	KT212202	Kỹ năng mềm	2	2		K. Kinh Tế
6	FL212101	Nghe 1	2	2		K.Ngoại ngữ
7	FL212201	Nói 1	2	2		K.Ngoại ngữ
8	FL212301	Đọc 1	2	2		K.Ngoại ngữ
9	FL212401	Viết 1	2	2		K.Ngoại ngữ
<b>Tổng học kỳ 1:</b>			<b>17</b>	<b>17</b>		
1	ML211021	Nguyên Lý cơ bản 2	3	3		K. Lý luận CT
2	SP211012	Giáo dục thể chất 2	1	1		K.Sư phạm
3	KT213007	Khởi nghiệp	2	2		k. Kinh tế
4	FL212102	Nghe 2	2	2		K.Ngoại ngữ
5	FL212202	Nói 2	2	2		K.Ngoại ngữ
6	FL212302	Đọc 2	2	2		K.Ngoại ngữ
7	FL212402	Viết 2	2	2		K.Ngoại ngữ
8	SP211001	Tiếng Việt thực hành	2		2	K.Sư phạm
9	SP211006	Xã hội học đại cương	2			K.Sư phạm
10	SP211007	Lịch sử Việt Nam đại cương	2			K.Sư phạm
11	SP211008	Lịch sử văn minh thế giới	2			K.Sư phạm
12	SP211003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			K.Sư phạm
<b>Tổng học kỳ 2:</b>			<b>16</b>	<b>14</b>	<b>2</b>	
1	ML211002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		K.Lý luận CT
2	SP211013	Giáo dục thể chất 3	1	1		K.Sư phạm

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC	Khoa/BM giảng dạy
3	FL212103	Nghe 3	2	2		K.Ngoại ngữ
4	FL212203	Nói 3	2	2		K.Ngoại ngữ
5	FL212303	Đọc 3	2	2		K.Ngoại ngữ
6	FL212403	Viết 3	2	2		K.Ngoại ngữ
7	FL211001	Tiếng Pháp 1	4	4		K.Ngoại ngữ
8	FL213103	Đất nước học Anh Mỹ	2	2		K.Ngoại ngữ
<b>Tổng học kỳ 3:</b>			<b>17</b>	<b>17</b>		
1	QP211008	Đường lối quốc phòng-an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	2	2		TTGDQP
2	QP211006	Công tác quốc phòng - an ninh	2	2		TTGDQP
3	QP211007	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK (CKC) và sử dụng lựu đạn	3	3		TTGDQP
4	QP211009	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	1	1		TTGDQP
5	ML211003	Đường lối CM của Đảng CSVN	3	3		K.Lý luận CT
6	FL212104	Nghe 4	2	2		K.Ngoại ngữ
7	FL212204	Nói 4	2	2		K.Ngoại ngữ
8	FL212304	Đọc 4	2	2		K.Ngoại ngữ
9	FL212404	Viết 4	2	2		K.Ngoại ngữ
10	FL211002	Tiếng Pháp 2	3	3		K.Ngoại ngữ
<b>Tổng học kỳ 4:</b>			<b>22</b>	<b>22</b>		
1	FL213501	Ngữ âm- âm vị	2	2		K.Ngoại ngữ
2	FL211003	Tiếng Pháp 3	3	3		K.Ngoại ngữ
3	FL216701	Phiên dịch 1	2	2		K.Ngoại ngữ
4	FL216801	Biên dịch 1	2	2		K.Ngoại ngữ
5	FL213502	Ngữ nghĩa học	2	2		K.Ngoại ngữ
6	FL213519	Nghe tiếng Anh tăng cường	2		6	K.Ngoại ngữ
7	FL213523	Nói tiếng Anh tăng cường	2			K.Ngoại ngữ
8	FL213524	Đọc tiếng Anh tăng cường	2			K.Ngoại ngữ
9	FL213525	Viết tiếng Anh tăng cường	2			K.Ngoại ngữ
10	FL213520	Luyện âm	2			K.Ngoại ngữ
<b>Tổng học kỳ 5:</b>			<b>17</b>	<b>11</b>	<b>6</b>	
1	FL216702	Phiên dịch 2	2	2		K.Ngoại ngữ
2	FL216802	Biên dịch 2	2	2		K.Ngoại ngữ
3	NL213706	Phương pháp nghiên cứu KH	2	2		K.Ngoại ngữ
4	FL211004	Tiếng Pháp 4	3	3		K.Ngoại ngữ
5	FL216602	Tiếng Anh chuyên ngành	2		10	K.Ngoại ngữ
6	FL 216601	Lý thuyết dịch	1			K.Ngoại ngữ
7	FL216603	Tiếng Anh Du lịch	2			K.Ngoại ngữ
8	FL216605	Tiếng Anh Quản trị kinh doanh	2			K.Ngoại ngữ
9	FL216606	Tiếng Anh Tiếp thị và quảng cáo	2			K.Ngoại ngữ
10	FL216607	Tiếng Anh Giao dịch ngân hàng	2			K.Ngoại ngữ
11	FL216609	Tiếng Anh ngành Công nghệ	2			K.Ngoại ngữ

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC	Khoa/BM giảng dạy
		thông tin				
<b>Tổng học kỳ 6:</b>			<b>19</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	
1	FL213101	Cú pháp học	2	2		K.Ngoại ngữ
2	FL215995	Ngữ dụng học	2	2		K. Ngoại ngữ
3	FL216811	Thực tế	1	1		K.Ngoại ngữ
4	FL213506	Văn học Anh- Mỹ	4	4		K.Ngoại ngữ
5	FL215994	Phân tích diễn ngôn	2	2		K.Ngoại ngữ
6	FL213510	Hình thái học	2		6	K. Ngoại ngữ
7	FL213503	Ngữ pháp ứng dụng	2			K.Ngoại ngữ
8	FL213505	Ngôn ngữ học đối chiếu	2			K.Ngoại ngữ
9	FL213509	Giao văn hóa	2			K.Ngoại ngữ
10	FL215981	Ngôn ngữ học xã hội	2			K. Ngoại ngữ
<b>Tổng học kỳ 7:</b>			<b>17</b>	<b>11</b>	<b>6</b>	
1	FL216812	Thực tập	3	3		K.Ngoại ngữ
2	FL215999	Khóa luận tốt nghiệp	10		10	K.Ngoại ngữ
3	FL215998	Chuyên đề tốt nghiệp	4		4	K.Ngoại ngữ
4	FL 215983	Biên dịch nâng cao	2		6	K.Ngoại ngữ
5	FL215984	Phiên dịch nâng cao	2			K.Ngoại ngữ
6	FL 215980	Tâm lý dịch thuật	2			K.Ngoại ngữ
7	FL215982	Từ nguyên học	2			K.Ngoại ngữ
<b>Tổng học kỳ 8:</b>			<b>13</b>	<b>3</b>	<b>10</b>	

#### **10. Hướng dẫn thực hiện chương trình:**

Tăng cường trang bị cho sinh viên khối kiến thức chuyên ngành, đảm bảo đáp ứng năng lực của sinh viên tốt nghiệp ngành ngôn ngữ Anh theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có thể hoạt động trong lĩnh vực biên phiên dịch cũng như các tổ chức xã hội khác.

Học phần thực tế: Sinh viên được tổ chức tham quan, quan sát thực tế những nghề nghiệp có sử dụng tiếng Anh làm phương tiện làm việc (Phiên dịch, biên dịch, điều hành du lịch...). Điểm đánh giá học phần là điểm bài thu hoạch của sinh viên (bằng tiếng Anh) sau khi kết thúc học phần.

Học phần thực tập: Sinh viên đăng ký thực tập nghề nghiệp tại một cơ sở phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân. Điểm đánh giá thực tập bao gồm: Điểm của đơn vị tiếp nhận thực tập (40%) + điểm bài thu hoạch (20%) + điểm bài tập do giảng viên hướng dẫn đánh giá (40%). Điều kiện để được tham gia học phần thực tập là sinh viên đã hoàn thành học phần thực tế.

Sinh viên cuối khóa làm khóa luận tốt nghiệp hoặc làm chuyên đề tốt nghiệp và học một số học phần thay thế. Sinh viên làm khóa luận (10 TC) hoặc làm chuyên đề cuối khóa (4 TC) và phải học 3 học phần thay thế (mỗi học phần 2 TC).

**TRƯỞNG KHOA**

**HIỆU TRƯỞNG**